

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2020

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HOÁ**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tân

2. Bà Lê Thị Giang

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên toà:

Ông: Trịnh Xuân Tùng - Cán bộ TAND huyện Như Thanh

Đại diện VKSND huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:

Bà: Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2020/TLST- HNGĐ ngày 21/7/2020, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST- HNGĐ ngày 10/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn Thống N, xã Yên T, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

- Bị đơn: Anh Trương Văn N - Sinh năm 1993

Trú tại: Thôn Thống N, xã Yên T, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên toà Chị Trần Thị H, anh Trương Văn N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/7/2020, bản tự khai ngày 21/7/2020, Bản tự khai bổ sung ngày 24/11/2020 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Chị Trần Thị H cho biết:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên T, huyện Như T vào ngày 01/7/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 05/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng

hay xảy ra xung đột, xúc phạm lẫn nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho tới nay không còn quan tâm đến nhau.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trương Văn N.

- Về con chung: Chị và anh Trương Văn N có 01 con chung là cháu Trương Tuyết V, sinh ngày 29/6/2015. Hiện cháu đang sống cùng bố và bà nội, do chị đang phải đi làm ăn xa, tính chất công việc phải phụ thuộc, không có thời gian chăm sóc con nên khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Trương Tuyết V cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian đóng góp tính từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu Tuyết V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Đối với bị đơn Anh Trương Văn N, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ và thông báo các phiên họp giải hợp lệ để anh đến Tòa án trình bày quan điểm của mình nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết. Tòa án đã tiến hành lập các biên bản không không tổng đạt trực tiếp cho bị đơn, Biên bản không hòa giải được theo qui định của pháp luật làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Theo đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của chị H, Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương xác minh và thu thập chứng cứ, tiến hành lấy lời khai, ghi ý kiến của mẹ đẻ anh N là bà Lý Thị D và ý kiến của ông Lê Đình L - Trưởng thôn Thôn Thống N ngày 03/11/2020 để xác định mâu thuẫn vợ chồng và lý do anh N không có mặt tại Tòa án. Bà D, ông L cho biết, anh N làm tự do, tính chất công việc không ổn định, nay đây mai đó, có khi rảnh lúc nào về lúc đó rồi lại đi luôn. Bà D đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh đồng thời khuyên bảo anh N đến Tòa án giải quyết việc gia đình nhưng anh vẫn không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ Tòa án có cơ sở xác định vợ chồng chị H, anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã Yên T, huyện Như T, sau khi kết hôn có sống tại nhà Bà D tại Thôn Thống N, xã Yên T, huyện Như T đến tháng 7 năm 2020 thì ly thân, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình đã cố gắng hòa giải cho các con nhưng hai con vẫn không đoàn tụ, tình cảm của chị H và anh N thực sự đã không còn. Đối với cháu Trương Tuyết V, sinh ngày 29/6/2015 là con chung của chị H, anh N hiện nay cháu đang ở với bố và bà

nội, cháu khỏe mạnh, ngoan, vâng lời người lớn và đang học tập, sinh sống ổn định. Bà D (Bà nội cháu V) có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu được ở với bố cháu là Trương Văn N, bà sẽ cùng bố cháu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu nên người, việc cấp dưỡng nuôi con chung tùy vào bố mẹ cháu quyết định bà không có ý kiến; Về tài sản và công nợ: Bà D cho biết quá trình chung sống chị H, anh N không có công sức, đóng góp gì đối với việc tạo lập khối tài sản chung của gia đình bà, gia đình bà không cho anh chị H, N vay, mượn tài sản hay vay, mượn tài sản của vợ chồng anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nayThẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 điều 56; Các điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với bị đơn anh Trương Văn N và giao con chung của anh chị là Trương Tuyết V, sinh ngày 29/6/2015 cho anh N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc chị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian đóng góp tính từ tháng 11/2020 cho tới khi cháu Tuyết V đủ 18 tuổi. Chị H phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Trần Thị H và anh Trương Văn N các văn bản tố tụng của Tòa án; Chị H đã có mặt tại phiên tòa ngày 24/11/2020 sau đó đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay; anh N vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh N.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnhThanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Như Thanh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3]Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và Anh Trương Văn N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên T, huyện Như T vào ngày 01/7/2016 là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống bình thường đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là hai bên không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 7/2020.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trương Văn N.

Qua chứng cứ chị Trần Thị H cung cấp đó là đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, bản tự khai ngày 21/7/2020; Bản tự khai bổ sung ngày 24/11/2020; Biên bản xác minh lấy ý kiến của mẹ đẻ anh N là bà Lý Thị D và của ông Lê Đình L - Trưởng thôn Thôn Thống N ngày 03/11/2020 mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị H, anh N thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc. Nay chị H có đơn ly hôn HĐXX thấy phù hợp với qui định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên chấp nhận đơn ly hôn của chị Lý.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị H và Anh Trương Văn N có 01 con chung là cháu Trương Tuyết V, Sinh ngày 29/6/2015 hiện cháu Tuyết V đang ở cùng anh N và Bà D.

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị thấy như thế sẽ tốt hơn cho con do điều kiện, tính chất công việc của chị phải đi làm ăn xa, giờ giấc bất thường không ổn định.

Trong vụ án này theo chứng cứ các bên cung cấp cho Tòa án, HĐXX thấy rằng, anh chị đều là lao động tự do, thu nhập, điều kiện sống, sinh hoạt như nhau, trên thực tế cháu Trương Tuyết V đang sinh sống, học tập ổn định cùng bố cháu và bà nội tại xã Yên T, huyện Như T, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho cháu Tuyết V. Do vậy giao cháu Tuyết V cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của cháu.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H và giao cháu Trương Tuyết V sinh ngày 29/6/2015 là con chung của anh chị cho anh N có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian đóng góp tính từ tháng 11/2020 cho

tới khi cháu Tuyết V đủ 18 tuổi. HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H, buộc chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N là phù hợp.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và án phí DSST không có giá ngạch theo quy định của pháp luật

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81; 82; 83; 107; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Xử cho Chị Trần Thị H được ly hôn Anh Trương Văn N.

- **Về con chung:** Giao cho anh Trương Văn N có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Trương Tuyết V, sinh ngày 29/6/2015. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2020 đến khi cháu Tuyết V đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai thu số AA/2018/0006416 ngày 20/7/2020. (Chị H còn phải nộp 300.000đ tiền án phí)

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Chi cục THADS h. Như Thanh
- VKSND huyện Như Thanh
- UBND xã Yên T.
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Lê Văn Quân